

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 30

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Cháo nghêu nấu nầm bào ngư, bầu, mồng toi, hành phi, hành lá, ngò rí
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Thịt ba chỉ chiên sả
- Canh rau cải dúng, thịt bò, nầm rom, hành ngò
Xế: Bánh Flan
Xế chiều: Nui xoắn nấu thịt gà, giá, cà rốt, cần tây, hành phi, hành lá

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	200	3,140	6,280
2	0494	Đường cát	300	3,880	11,640
3	0523	Nước mắm loại I	200	4,400	8,800
4	N0966	Muối Iot	200	740	1,480
5	0004	Gạo tẻ máy	1,800	2,560	46,080
6	0120	Hành lá (hành hoa)	100	5,460	5,460
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,930	4,465
8	0002	Gạo nếp (loại thường)	300	3,050	9,150
9	0083	Bầu	200	3,680	7,360
10	0163	Rau mồng toi	100	4,100	4,100
11	N0778	Nầm bào ngư	100	13,130	13,130
12	0439	Nghêu biển trắng (ngao)	1,500	6,300	94,500
13	N6585	Sả băm	50	3,360	1,680
14	0300	Thịt ba chỉ (nửa nạc, nửa mỡ)	1,100	21,630	237,930
15	N0770	Thịt nạc dăm	500	18,480	92,400
16	0716	Cải dún (nhúng)	700	5,570	38,990
17	0211	Nầm rom	100	14,180	14,180
18	0286	Thịt bò loại II	400	36,750	147,000
19	N0937	Nui sô	300	7,700	23,100
20	0089	Cà rốt	200	5,780	11,560
21	0100	Cần tây	100	5,670	5,670
22	0118	Giá đậu xanh	100	2,730	2,730
23	N0772	Thịt ức gà	500	12,920	64,600
24	0457	Sữa bột toàn phần	566.42	20,500	116,116
25	N0925	Bánh Flan caramel cao cấp	960	14,750	141,600
Tổng chợ					1,110,001

Tổng tiền thực phẩm	1,110,001
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,110,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	-1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	216
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	7,992,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	7,992,001

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan